

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG - 2017  
(Lớp Công nghệ Thông tin)  
TÌM 1 DỮ KIẾN ĐÚNG NHẤT TRONG 4 DỮ KIẾN ĐƯỢC NÊU

1. *Tìm trình tự đúng (độ mạnh tới yếu của các liên kết hóa học yếu):*
  - a. Liên kết van de Waals - kỵ nước - hydro - tĩnh điện.
  - b. Liên kết kỵ nước - hydro - van de Waals - tĩnh điện.
  - c. Liên kết hydro - tĩnh điện - kỵ nước - van de Waals.
  - d. Liên kết kỵ nước - van de Waals - tĩnh điện - hydro.
2. *“Hoạt động của tim và máu ở động vật” là tác phẩm của:*
  - a. Aristote.
  - b. Hippocrates.
  - c. William Harvey.
  - d. Andreas Vesalius.
3. *Bộ gen người có khoảng:*
  - a. 1,8 tỷ cặp Nu.
  - b. 32 tỷ cặp Nu.
  - c. 3,2 tỷ cặp Nu.
  - d. 2,3 tỷ cặp Nu.
4. *Tìm thứ tự đúng:*
  - a. Gastrula - Zygote - Morula - Fetus.
  - b. Zygote - Embryo - Morula - Blastocyst.
  - c. Gamete - Blastocyst - Morula - Gastrula.
  - d. Blastocyst - Gastrula - Zygote - Body.
5. *Tìm câu sai:*
  - a. Trong cơ thể người nước có khối lượng lớn nhất.
  - b. Máu và não người có tới 80% là nước.
  - c. Mô cơ của người có tới 75% là nước.
  - d. Da của người có khoảng 20-30% là nước.
6. *Một người nặng 70kg có thể có:*
  - a. 100g Natri, 7kg Hydro, 45kg Oxy.
  - b. 900g Phosphat, 3kg Carbon, 59g Clorua.
  - c. 2kg Nitrogen, 100g Kali, 1,7kg Hydro.
  - d. 95g Clorua, 45kg Oxy, 250g Lưu huỳnh.
7. *Các nguyên tố trong cơ thể người có thứ tự từ ít tới nhiều:*
  - a. Carbon < Lưu huỳnh < Hydro < Kali.
  - b. Clorua < Calcium < Hydro < Oxy.
  - c. Lưu huỳnh < Phosphat < Carbon < Clorua.
  - d. Hydro < Oxy < Kali < Nitrogen.
8. *Nguyên tố Natri trong cơ thể người:*
  - a. Không tồn tại ở dạng ion tự do.
  - b. Không có ở mô thần kinh.
  - c. Có thể kết hợp với Clorua.
  - d. Có thể liên kết hóa trị với Kali.
9. *Tìm câu sai:*
  - a. Các bệnh về máu có thể liên quan tới sắt.
  - b. I-ốt tham gia vào việc tạo mô xương.
  - c. Sắt có nhiều trong mô máu và mô cơ.
  - d. Phospho có trong mô xương.
10. *Tế bào người:*
  - a. Có thể có cấu trúc lông và roi.
  - b. Không có khả năng tự vận động.
  - c. Luôn chứa nhiều không bào.
  - d. Thường có cấu trúc “cầu liên bào”.
11. *Đĩa phôi giữa (trung mô) cho ra các tế bào:*

- a. Tế bào máu, tế bào cơ trơn, tế bào sinh dục.
  - b. Tế bào thận, tế bào phổi, tế bào thần kinh.
  - c. Tế bào cơ xương, tế bào xương, tế bào tủy.
  - d. Tế bào cơ trơn, tế bào thận, tế bào hồng cầu.
12. Apoptosis là thuật ngữ dùng để chỉ:
- a. Một giai đoạn phát triển của tế bào.
  - b. Một trạng thái của tế bào.
  - c. Một cấu trúc của tế bào.
  - d. Một loại tế bào.
13. Telomer là một cấu trúc:
- a. Lõi của các nhiễm sắc thể.
  - b. Khảm ở đầu các gen.
  - c. Khảm ở đầu các nhiễm sắc thể.
  - d. Chỉ có ở tế bào gốc.
14. Trình tự lặp lại của telomer:
- a. TATGGG.
  - b. TTGGGG.
  - c. GGTTGG.
  - d. TGGGTT.
15. Gastrula là:
- a. Thuật ngữ chỉ sự định vị của phôi trên thành tử cung.
  - b. Thời điểm các tế bào sắp xếp tạo ba lớp đĩa (lá).
  - c. Giai đoạn lớp lá nuôi phôi bắt đầu hoạt động.
  - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
16. Bốn hệ mô cơ bản là:
- a. Mô cơ, mô biểu bì, mô thần kinh, mô liên kết.
  - b. Mô liên kết, mô xương, mô biểu bì, mô thần kinh.
  - c. Mô sụn, mô xương, mô cơ, mô lưới.
  - d. Mô máu, mô thần kinh, mô liên kết, mô cơ.
17. Lá/đĩa phôi trong (nội mô) cho ra các hệ cơ quan:
- a. Hệ da bì, hệ nội tiết, hệ tuần hoàn.
  - b. Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ da bì.
  - c. Hệ tuần hoàn, hệ máu, hệ xương.
  - d. Hệ niệu sinh dục, hệ tiêu hóa, hệ cơ.
18. Mô liên kết có thể bao gồm:
- a. Mô máu, mô liên kết chính thức, mô bì.
  - b. Mô xương, mô sụn, mô cơ.
  - c. Mô liên kết chính thức, mô máu, mô sụn.
  - d. Mô thần kinh, mô lưới, mô liên kết chính thức.
19. Thuật ngữ Scaffold:
- a. Dùng để chỉ một cấu trúc giúp tế bào bám dính.
  - b. Là tên gọi của một phân tử ngoại bào.
  - c. Là tên gọi của một loại hóa chất.
  - d. Là tên gọi của một kỹ thuật trong công nghệ mô.
20. Màng hoạt dịch:
- a. Có chức năng tiết các enzym.
  - b. Bao bọc khớp và gân.
  - c. Có nguồn gốc từ biểu mô.
  - d. Tiêu biến dần theo tuổi.
21. Bạch huyết:
- a. Có chức năng chính trong miễn dịch.
  - b. Là máu được loại bỏ các tế bào hồng cầu.
  - c. Còn được coi là dịch ngoại bào (dịch kẽ).
  - d. Chính là dịch nội bào.
22. Cơ hoành:
- a. Ngăn cách giữa khoang bụng và khoang ngực.
  - b. Liên kết các xương sườn với nhau.
  - c. Có vai trò quan trọng trong hoạt động hô hấp.
  - d. Có điểm bám là xương chậu.
23. Mô mỡ:

- a. Có thể xuất hiện trong các mạch máu.
  - b. Luôn chứa các tế bào gốc.
  - c. Là nguồn dự trữ năng lượng của cơ thể.
  - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
24. *Huyết tương (plasma):*
- a. Luôn có nồng độ muối NaCl hoà tan 9%.
  - b. Còn được gọi là dịch bạch huyết.
  - c. Là chất nền căn bản của mô máu.
  - d. Là huyết thanh đã loại bỏ yếu tố đông máu.
25. *Dịch ngoại bào và dịch nội bào:*
- a. Đều có nồng độ ion tự do giống nhau.
  - b. Có cùng một chức năng sinh lý.
  - c. Có thành phần và tính chất khác nhau.
  - d. Đều được coi là huyết thanh.
26. *Ở động vật có vú, sự thụ tinh diễn ra:*
- a. Trong tử cung.
  - b. Trong âm hộ.
  - c. Trong ống dẫn trứng.
  - d. Trong buồng trứng.
27. *Phospho và Canxi:*
- a. Có nhiều trong mô xương.
  - b. Là thành phần chính trong bào xương.
  - c. Là thành phần chính trong cấu trúc ATP.
  - d. Có nhiều trong mô mỡ.
28. *Tìm dữ kiện sai:*
- a. Động mạch luôn có cấu trúc phân nhánh.
  - b. Tĩnh mạch luôn có cấu trúc chụm nhánh.
  - c. Mao mạch luôn chứa máu giàu oxy.
  - d. Động mạch phổi chứa máu nghèo oxy.
29. *Việc chữa lành vết thương ở da có vai trò lớn của:*
- a. Tế bào keratin.
  - b. Phân tử collagen.
  - c. Phân tử pepsine.
  - d. Phân tử cholesterol.
30. *Các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa:*
- a. Hầu - gan - tụy - manh tràng.
  - b. Thực quản - mật - tá tràng - thận.
  - c. Tuyến thượng thận - mật - gan - dạ dày.
  - d. Trục tràng - tuyến ức - cơ hoành - dạ dày.
31. *Hệ tiêu hóa:*
- a. Có chức năng tạo nước tiểu.
  - b. Có thể duy trì nhóm vi sinh vật cộng sinh.
  - c. Trực tiếp tạo nhiệt cho cơ thể.
  - d. Không có nguồn gốc biểu bì.
32. *Lá nuôi (Trophoblast):*
- a. Hình thành từ lớp tế bào hạt.
  - b. Tạo nhau thai cho phôi.
  - c. Hình thành lớp ngoại bì của phôi.
  - d. Giúp phôi di chuyển.
33. *Cấp độ cơ thể:*
- a. Được cho là đơn vị của sự sống.
  - b. Không có khả năng bảo tồn vật liệu di truyền.
  - c. Không nằm trong cấu trúc của hệ sinh thái.
  - d. Còn được coi là “hàng rào gen”.
34. *Đặc điểm của khoang ngực:*
- a. Luôn có áp lực âm so với khí quyển.

- b. Bảo vệ tim, phổi và gan.
  - c. Không có khả năng thay đổi thể tích.
  - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
35. Tế bào cơ:
- a. Còn được coi là bó cơ.
  - b. Chứa nhiều ion sắt.
  - c. Hình thành ở giai đoạn phôi dậu.
  - d. Có khả năng thực bào.
36. Tìm thứ tự đúng các cấp độ liên tiếp của sự sống:
- a. Tế bào - mô - cơ quan.
  - b. Cơ quan - hệ cơ quan - mô.
  - c. Cơ thể - tế bào - cơ quan.
  - d. Mô - phân tử - tế bào.
37. I-ốt rất cần cho hormon:
- a. Tuyến giáp.
  - b. Tuyến cận giáp.
  - c. Tuyến tụy.
  - d. Tuyến ức.
38. Tìm trình tự đúng:
- a. Sợi cơ - bó cơ - bắp cơ - tơ cơ.
  - b. Tơ cơ - sợi cơ - bó cơ - bắp cơ.
  - c. Xơ cơ - bó cơ - sợi cơ - tơ cơ.
  - d. Bó cơ - bắp cơ - tơ cơ - sợi cơ.
39. Các tế bào lympho:
- a. Thuộc nhóm tế bào có hạt.
  - b. Có khả năng thực bào mạnh.
  - c. Tham gia cơ chế miễn dịch.
  - d. Sản xuất fibrin.
40. Melanin là sản phẩm của:
- a. Tế bào sắc tố.
  - b. Tế bào sừng.
  - c. Tế bào Langerhan.
  - d. Tế bào Merkel.
41. Thứ tự đúng của tầng thượng bì (da):
- a. Lớp đáy - lớp hạt - lớp gai - lớp sừng.
  - b. Lớp sừng - lớp gai - lớp hạt - lớp đáy.
  - c. Lớp đáy - lớp gai - lớp hạt - lớp sừng.
  - d. Lớp hạt - lớp gai - lớp đáy - lớp sừng.
42. Tế bào mỡ:
- a. Luôn có hại cho cơ thể.
  - b. Có thể sản xuất hormon.
  - c. Có nguồn gốc từ mô cơ.
  - d. Chỉ xuất hiện khi cơ thể trưởng thành.
43. Đặc điểm của khoang ngực:
- a. Chứa các cơ quan tim, phổi và gan.
  - b. Được lót bởi màng hoạt dịch.
  - c. Có thể thay đổi thể tích.
  - d. Tiếp giáp với khoang chậu.
44. Phân biệt động mạch và tĩnh mạch:
- a. Có thể dựa vào tốc độ máu chảy.
  - b. Có thể dựa vào hướng máu chảy.
  - c. Có thể dựa vào màu sắc của máu.
  - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
45. Actin và Myosin là các protein:
- a. Khảm trên màng tế bào.
  - b. Có nhiều ở tế bào thần kinh.
  - c. Có nhiều ở các tế bào cơ.
  - d. Chỉ có trong tủy xương đỏ.

46. Các tế bào hồng cầu:
- Luôn có nhiều nhân DNA.
  - Có kích thước đồng đều nhau.
  - Có khả năng sản xuất kháng thể.
  - Có tuổi thọ suốt đời.
47. Lympho T là tế bào:
- Sản xuất kháng thể.
  - Thuộc nhóm tế bào có hạt.
  - Có khả năng thực bào.
  - Được biệt hóa từ tuyến ức.
48. Van tim hai lá:
- Nằm giữa tâm thất trái và động mạch chủ.
  - Nằm giữa tâm nhĩ trái và tâm thất trái.
  - Nằm giữa tâm thất phải và động mạch phổi.
  - Nằm giữa tâm nhĩ phải và tâm thất phải.
49. Tâm thất phải:
- Đưa máu đi nuôi cơ thể.
  - Đưa máu lên phổi.
  - Thông với tâm nhĩ trái.
  - Có máu giàu oxy.
50. Ống mật đổ vào:
- Dạ dày.
  - Ruột non.
  - Tá tràng.
  - Manh tràng.
51. Các túi khí (phế nang) ở phổi người:
- Có số lượng 300 triệu.
  - Có tổng diện tích bề mặt tiếp xúc  $170\text{m}^2$ .
  - Có tổng dung tích trung bình 3 lít khí.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
52. Tuyến tụy:
- Sản xuất men tiêu hóa đổ vào dạ dày.
  - Là tuyến ngoại tiết và nội tiết.
  - Sản xuất tyrosin và insulin.
  - Là cơ quan tích trữ đường.
53. Thuật ngữ "lát - vuông - trụ":
- Liên quan tới cấu trúc của mô liên kết.
  - Mô tả hình thái của các tế bào xương.
  - Cho biết tính chất sinh học của da.
  - Liên quan tới cấu trúc của biểu mô.
54. Acrosome là thuật ngữ:
- Mô tả sự hình thành tinh trùng.
  - Cho biết trạng thái của tế bào sinh dục.
  - Chỉ tên một cấu trúc có vai trò trong sự thụ tinh.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
55. Để ngăn cản thụ tinh đa tinh trùng:
- Trứng thay đổi cấu trúc màng sinh chất.
  - Trứng tiết enzym diệt tinh trùng.
  - Trứng thay đổi bản chất màng thụ tinh.
  - Trứng cô lập tinh trùng trong bào tương.
56. Các mạch máu được tạo ra:
- Ở thời kỳ phôi nang.
  - Từ trung bì.
  - Từ các phần phụ (lớp tế bào ngoài) của phôi.
  - Từ các hạch bạch huyết.
57. Van tim ba lá:

- a. Điều hoà máu lưu thông trong tĩnh mạch.
  - b. Ngăn cách xoang nhĩ và xoang thất.
  - c. Ngăn cách giữa xoang thất và tĩnh mạch.
  - d. Ngăn cách giữa động mạch chủ và xoang thất.
58. Tiểu cầu:
- a. Có kích thước lớn nhất trong các tế bào máu ngoại vi.
  - b. Chỉ tồn tại ở tĩnh mạch.
  - c. Có chức năng vá mạch.
  - d. Có thể sản xuất protein kháng thể.
59. Chiếm khối lượng lớn nhất trong cơ thể:
- a. Là mô cơ.
  - b. Là mô biểu bì.
  - c. Là mô máu.
  - d. Là mô liên kết.
60. Trình tự phát triển của tế bào trứng:
- a. Noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào - noãn bào thứ cấp.
  - b. Noãn bào thứ cấp - noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào.
  - c. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - trứng trưởng thành.
  - d. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - noãn bào thứ cấp.
61. Xương sống được cấu tạo từ:
- a. 13 xương.
  - b. 23 xương.
  - c. 33 xương.
  - d. 43 xương.
62. Cơ thể của người có:
- a. 60 khớp.
  - b. 360 khớp.
  - c. 260 khớp.
  - d. 160 khớp.
63. Tìm trình tự đúng:
- a. Tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp - tinh tử.
  - b. Tinh tử - tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp.
  - c. Tinh bào sơ cấp - tinh tử - tinh nguyên bào.
  - d. Tinh bào sơ cấp - tinh nguyên bào - tinh tử.
64. Mục đích của hỗ trợ sinh sản:
- a. Tạo thai ngoài tử cung.
  - b. Tạo phôi ngoài tử cung.
  - c. Chỉ dành cho nam giới.
  - d. Chỉ dành cho nữ giới.
65. Tế bào gốc phôi người đã được thu nhận từ:
- a. Dây rốn.
  - b. Công nghệ nhân bản.
  - c. Phôi nang.
  - d. Năm 1999.
66. Mô sụn:
- a. Là mô liên kết chính thức.
  - b. Có mặt ở tất cả các xương.
  - c. Yếu tố nền của mô chứa nhiều chất cartilagein.
  - d. Không chứa ion canxi và phân tử collagen.
67. Sự dẫn truyền xung thần kinh:
- a. Phụ thuộc khe synap.
  - b. Chủ yếu trên vỏ não.
  - c. Nhờ các tế bào thần kinh đệm.
  - d. Chỉ diễn ra trong tủy sống.
68. Giới tính của người được tác động bởi các hormon:
- a. Estrogen và Adrenalin.

- b. Testosteron và Acetylcholin.
  - c. Estrogen và Testosteron.
  - d. Adrenalin và Acetylcholin.
69. Dự án ECODE về bộ gen người:
- a. Có mục đích giải trình tự bộ gen người.
  - b. Có mục đích giải mã chức năng gen người.
  - c. Được công bố hoàn thành năm 2004.
  - d. Tiêu tốn 3 tỷ đô la Mỹ.
70. Trong mô sống, các nguyên tố trực tiếp tạo chất hữu cơ:
- a. S, N, H.
  - b. O, C, Fe.
  - c. N, P, Cl.
  - d. C, K, Na.
71. Câu nói “Mọi cuộc sống đều bắt đầu từ trứng” là của:
- a. C. Darwin.
  - b. A. Oparin.
  - c. G. Mandel.
  - d. L. Pasteur.
72. Tìm dữ kiện sai:
- a. Natri không tham gia vào hoạt động thần kinh.
  - b. Natri có vai trò lớn trong việc tạo điện thế màng.
  - c. Độ mặn của huyết tương do Na và Cl quyết định.
  - d. Nồng độ ion Na ngoài màng tế bào cao hơn bên trong.
73. Tìm ý sai:
- a. Phổi có thể đào thải khí, nước và nhiệt.
  - b. Phổi có thể đào thải acid.
  - c. Sự trao đổi khí chỉ diễn ra ở phổi.
  - d. Các tiểu phế quản cũng trao đổi khí.
74. Trong cơ thể, các nguyên tố sau được coi là “vết” (vi lượng):
- a. Al, Mo, Mg, Si, K.
  - b. B, Na, Zn, Cl, Co.
  - c. Fe, Mn, I, Cu, Zn.
  - d. Ag, Au, P, H, S.
75. Công nghệ tạo dòng vô tính người (cloning):
- a. Được phép thực hiện ở Vương quốc Anh.
  - b. Được tiến hành bởi Thomson và cộng sự.
  - c. Bị cấm ở tất cả các quốc gia.
  - d. Được phép với mục đích thu nhận cơ quan.
76. Tìm một dữ kiện có thể là sai:
- a. Các synap thần kinh cho phép xung thần kinh qua lại.
  - b. Bệnh Alzheimer có thể gây mất trí nhớ dài hạn.
  - c. Hormon Acetylcholin được khuếch tán qua khe synap.
  - d. Mô thần kinh có 2 nhóm tế bào: neuron và các tế bào đệm.
77. Thận:
- a. Là cơ quan có thể tái hấp thu một số chất đạm.
  - b. Có chức năng chính là đào thải đường glucose.
  - c. Là cơ quan sản xuất hormon Adrenalin.
  - d. Có cấu trúc đôi, gồm quả thận và tuyến thượng thận.
78. Gan:
- a. Giúp cơ thể tạo sắc tố da.
  - b. Liên quan tới chứng vàng da ở người.
  - c. Sẽ bị ung thư ở người uống rượu bia.
  - d. Có khả năng tái sinh.
79. Ở Việt Nam:
- a. Luật pháp cho phép nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc.
  - b. Được phép biến đổi gen ở phôi thai và trẻ sơ sinh.

- c. Có thể ứng dụng công nghệ tế bào gốc với sự kiểm soát.
  - d. Không được phép mang thai hộ.
80. Tuổi của phôi thai được tính:
- a. Khi tinh trùng xâm nhập vào trứng.
  - b. Khi có tái tổ hợp gen giữa trứng và tinh trùng.
  - c. Bắt đầu từ giai đoạn phôi nang.
  - d. Bắt đầu từ giai đoạn phôi dâu.
81. Lưỡi:
- a. Có sự phân bố đồng đều các chồi vi giác (Taste buds).
  - b. Có nguồn gốc hình thành từ mô cơ.
  - c. Chứa các neuron cảm giác.
  - d. Có thể cảm nhận được mùi.
82. Tai ngoài và tai trong:
- a. Là hai cấu trúc phụ của tai giữa.
  - b. Phát triển ở tháng thứ 2 của thai kỳ.
  - c. Được ngăn cách bởi xương bàn đạp.
  - d. Được ngăn cách bởi màng nhĩ.
83. Huyết thanh (serum):
- a. Chứa các protein.
  - b. Là dịch lỏng của máu có chứa fibrin.
  - c. Được thu nhận sau khi ly tâm.
  - d. Luôn được bảo quản ở 37°C.
84. Cấu trúc màng tế bào người:
- a. Có khả năng các phân tử kháng nguyên nhóm máu.
  - b. Có khả năng các phân tử collagen.
  - c. Có nhiều phân tử cholesterol khả năng màng.
  - d. Ổn định, không thay đổi suốt cuộc đời của cơ thể.
85. Có nhiều ý kiến chống lại công nghệ thụ tinh trong ống nghiệm:
- a. Bởi cho rằng đó là sự sinh sản “không tự nhiên”.
  - b. Bởi không thể không kiểm soát được sự cân bằng giới tính.
  - c. Bởi lo ngại có thiết kế gen, tạo sự ưu sinh.
  - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
86. Bạn cảm ly cà phê đá và nhận thấy tay mình lạnh buốt là nhờ:
- a. Vai trò của thụ thể Krause.
  - b. Vai trò của thụ thể Merkel.
  - c. Vai trò của thụ thể Pacinian.
  - d. Nhiệt độ ở tay bạn cao hơn nhiệt độ ở ly cà phê đá.
87. Nuôi cấy tế bào người trong ống nghiệm không dễ dàng bởi:
- a. Luật pháp không cho phép.
  - b. Khó thiết lập môi trường nuôi cấy.
  - c. Tế bào dễ bị thay đổi kiểu hình.
  - d. Khó tìm được nguồn tế bào sống của người.
88. Gout là một bệnh của xương khớp, có nguyên nhân:
- a. Do nhiều lần bị tai nạn bong gân.
  - b. Liên quan tới acid uric tại khớp.
  - c. Thiếu canxi, làm xương bị loãng, yếu.
  - d. Tổn thương màng bao hoạt dịch.
89. Nhịp tim của mỗi người:
- a. Có cùng tần số với nhịp thở của phổi.
  - b. Không thay đổi theo tuổi đời.
  - c. Được xác định vào tuần thứ 13-16 của thai.
  - d. Giúp xác định lưu lượng máu qua tim.
90. Bán cầu đại não:
- a. Gồm vỏ não và dịch não tủy.
  - b. Tạo nhiều nếp gấp.
  - c. Không chứa trung khu vận động.



- d. Nơi tập trung cả “chất xám” và “chất trắng”.
91. Sự thiết lập cung phản xạ (Reflex arc) thần kinh:
- Trước hết phải có tác nhân kích thích.
  - Phải có sự tham gia của vỏ não.
  - Do các tế bào đệm thần kinh thực hiện.
  - Nhằm phản ứng với các tác nhân gây bệnh.
92. Cơ sở nền tảng của Y học tái tạo (Regenerative Medicine) là:
- Công nghệ gen.
  - Kỹ nghệ mô.
  - Liệu pháp tế bào gốc.
  - Công nghệ hỗ trợ sinh sản.
93. Áp lực của “cơ lũ bệnh tật” lên cơ thể con người:
- Sẽ ảnh hưởng lên trật tự sinh học của bộ gen người.
  - Thúc đẩy nhiều kỹ thuật sinh học hiện đại mới ra đời.
  - Khiến nhiều chức năng sinh lý của cơ thể thay đổi.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều sai.
94. Đặc điểm của dịch gian bào (ngoại bào) ở cơ thể người:
- Luôn có độ pH cao hơn dịch nội bào.
  - Nồng độ ion canxi thường thấp hơn dịch nội bào.
  - Ổn định, ít thay đổi thành phần.
  - Không chứa đường glucose và lactose.
95. Tế bào iPS (Induced pluripotent stem cell):
- Được hiểu là tế bào gốc vạn năng nhân tạo.
  - Được hiểu là tế bào gốc cảm ứng gen.
  - Được hiểu là tế bào gốc giống tế bào gốc phôi.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
96. Răng sữa ở người:
- Chưa có cấu trúc tủy răng.
  - Có đúng 20 cái.
  - Có bản chất là mô sụn.
  - Được thay hoàn toàn khi cơ thể 4-5 tuổi.
97. Bản chất của công nghệ hỗ trợ sinh sản:
- Thao tác tế bào sinh dục trong ống nghiệm.
  - Tạo sự thụ tinh có kiểm soát.
  - Cần sự hợp tác kỹ thuật giữa Y học và Sinh học.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
98. Amidan họng:
- Là túi chứa dịch bạch huyết.
  - Là tổ chức nằm ở đầu thực quản.
  - Có chức năng tiết nước bọt.
  - Là cấu trúc van phân chia thực quản với thanh quản.
99. Mật:
- Là cơ quan tham gia cơ chế miễn dịch.
  - Giúp cơ thể cân bằng pH của dịch mô.
  - Giúp cơ thể lọc máu.
  - Là cơ quan chứa các dịch do gan sản xuất.
100. Bệnh nhồi máu cơ tim:
- Do nhịp co bóp của tim bị lỗi.
  - Do cơ tim bị tổn thương không hồi phục.
  - Do máu của mạch vành (nuôi tim) bị đông.
  - Do tổn thương các van tim.
101. Trong cơ thể người, dây chằng (Ligament):
- Nối các xương và tạo bao khớp.
  - Tính đàn hồi cao, có thể tăng giãn chiều dài tới 14%.
  - Không có cấu trúc mạch máu và dây thần kinh.
  - Chính là gân (Tendon).

102. *Hiện tượng mang thai ngoài tử cung:*
- Do thai phát triển trong khoang bụng.
  - Khi sanh, người mẹ phải tiến hành sanh mổ.
  - Do thai phát triển ngay trong ống dẫn trứng.
  - Khi em bé ra đời thường bị dị tật.
103. *Bệnh đái tháo đường (Diabetes) type 1 ở người:*
- Liên quan tới tế bào  $\beta$  tiểu đảo, có thể di truyền.
  - Là bệnh tự miễn, có thể xảy ra ở người trẻ tuổi.
  - Có thể do dinh dưỡng và không thể chữa trị khỏi.
  - Có hai trong số ba dữ kiện trên là đúng.
104. *Phế nang:*
- Là thùy trái của phổi.
  - Là thùy phải của phổi.
  - Là túi nhỏ chứa khí.
  - Là cấu trúc tạo ra phế quản.
105. *Các tế bào của người trưởng thành:*
- Không còn khả năng phân bào nguyên nhiễm.
  - Trong điều kiện sinh lý bình thường sẽ có 3 cách chết.
  - Có khả năng phân biệt hóa (*Dedifferentiation*).
  - Không còn khả năng phân bào giảm nhiễm.
106. *Tuyến tụy:*
- Là cơ quan có chức năng sản xuất hormon Glucagon.
  - Là cơ quan có chức năng sản xuất enzym phân giải đường.
  - Được cấu trúc bởi các tế bào tiểu đảo tụy.
  - Tạo các sản phẩm đổ vào gan.
107. *Cơ thể em bé ra đời dễ bị còi xương:*
- Vì thiếu canxi.
  - Vì thiếu vitamin D, B.
  - Chế độ dinh dưỡng của người mẹ kém lúc mang thai.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
108. *Hệ nội tiết của người:*
- Hoạt động chủ yếu ở dịch kẽ tế bào.
  - Hoạt động theo cơ chế tác động ngược (feed-back).
  - Có vai trò miễn dịch, bảo vệ cơ thể.
  - Giảm hoạt tính khi cơ thể già.
109. *Các thụ thể thần kinh ở da:*
- Đều kết nối với não hay tủy sống.
  - Nằm ở trung tâm lớp thượng bì.
  - Tiếp nhận kích thích để tạo ra cảm xúc.
  - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
110. *Lách:*
- Là cơ quan tiết dịch nhầy và mồ hôi.
  - Là cơ quan sản xuất dịch tiêu hóa.
  - Cấu trúc đôi: một bên phải, một bên trái khoang ngực.
  - Là một hạch lympho lớn.

---

Phan Kim Ngọc – 10/2017